

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **90**/GPMT-UBNDQuảng Trị, ngày **15** tháng **11** năm 2023**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;**Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;**Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Căn cứ Thông báo số 4219/STNMT-CCBVMT ngày 31/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Đông Hà;**Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Đông Hà đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 40/CV-ĐH ngày 03/11/2023 của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Đông Hà;**Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4342/TTr-STNMT ngày 09/11/2023.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Đông Hà, địa chỉ tại số 02, đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Đông Hà với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Đông Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 02, Trần Hưng Đạo, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200266549 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 15/8/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2023.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị, kinh doanh thương mại, bán lẻ hàng tiêu dùng.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 2.517 m², quy mô xây dựng có 3 tầng với diện tích tầng 1: 1.800 m², tầng 2: 1.786 m², tầng 3: 320 m² và tầng hầm: 1.200m²; các công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Cơ sở thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng có tổng mức đầu tư 41.736.810 tỷ đồng, có tiêu chí tương đương với dự án nhóm C.

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất: Siêu thị có công suất phục vụ tối đa là 2.100 khách/ngày. Số lượng CBCNV: 96 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Đông Hà có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 15 tháng 11 năm 2023 đến ngày 15 tháng 11 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật./. *mw*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV TMDV Sài Gòn - Đông Hà;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương;
- UBND thành phố Đông Hà;
- UBND phường 1;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Thu). *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Cơ sở: Siêu thị Co.opmart Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **90** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- 1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của CBCNV Siêu thị và khách mua hàng;
- 1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ khu sơ chế thức ăn của Siêu thị;
- 1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ khu sơ chế thức ăn của nhà hàng Jollibee.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý bằng Hệ thống xử lý nước thải của Siêu thị được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của thành phố tại đường Phan Bội Châu, phía Tây Bắc của Siêu thị.

- Nguồn tiếp nhận nước thải là cống thoát nước đường Phan Bội Châu sau đó dẫn về hệ thống thoát nước của thành phố Đông Hà, sau đó thải ra môi trường tiếp nhận là sông Hiếu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại điểm đầu nối đường ông thoát nước thải của Siêu thị vào hệ thống thoát nước chung khu vực tại đường Phan Bội Châu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.860.831 m; Y=590.244 m (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý bằng Hệ thống xử lý nước thải của Siêu thị được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của thành phố tại đường Phan Bội Châu, chế độ xả thải liên tục, thời gian xả thải là 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục trong ngày (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2), cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/l	5,5-9	03 tháng/ lần	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		

3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của siêu thị được thu gom bằng ống PVC Φ110 vào bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được đấu nối với đường ống thu gom nước thải (PVC Φ110) nằm âm bên dưới lối đi nội bộ và chảy về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị.

- Đối với nước khu vực sơ chế và chế biến thức ăn: được đưa qua bể tách mỡ sơ cấp để loại bỏ thực phẩm vụn và một phần mỡ kích thước lớn. Sau đó, được thu gom bằng ống nhựa PVC Φ110 nằm âm bên dưới lối đi bộ dẫn vào bể tách mỡ thứ cấp để loại bỏ váng dầu mỡ trong nước thải. Nước thải sau bể lắng thứ cấp sẽ được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị.

- Hệ thống đường ống, mương thu gom nước thải dài khoảng 290m, trong đó:

+ Tầng 3: Đường ống dài khoảng 60m, thu gom nước thải từ nhà vệ sinh xuống bể tự hoại 3 ngăn.

+ Tầng 2: Đường ống dài khoảng 60m, thu gom nước thải từ nhà vệ sinh xuống bể tự hoại 3 ngăn.

+ Tầng 1: Đường ống dài khoảng 90m, thu gom nước thải từ nhà vệ sinh xuống bể tự hoại 3 ngăn, thu gom nước thải từ hoạt động nhà bếp dẫn xuống tầng hầm.

+ Tầng hầm: Đường ống dài khoảng 80m, thu gom nước thải từ bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ nhà bếp dẫn đến HTXL nước thải tập trung.

- Nước thải sau xử lý thoát từ bể khử trùng bằng đường ống nhựa PVC Φ110 ra mương dẫn nước chung của ở đường Phan Bội Châu.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ Nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn thể tích 9,52 m³ → Hệ thống xử lý nước thải → Công thoát nước thải đường Phan Bội Châu.

- Nguồn số 02, 03: Nước thải từ khu sơ chế thức ăn của Siêu thị, nhà hàng Jollibee → 07 bể tách dầu sơ bộ 50L phía dưới mỗi bồn rửa → HTXLNT → Cống thoát nước thải đường Phan Bội Châu.

+ Quy trình xử lý của Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải qua bể tự hoại, bể tách dầu → Lưới chắn rác → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể Lắng → Bể khử trùng → Cống thoát nước thải đường Phan Bội Châu.

+ Công suất thiết kế: 50m³/ngày.đêm.

+ Bùn lắng từ bể lắng sẽ được bơm qua bể chứa bùn và 1 phần bơm tuần hoàn về bể thiếu khí.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hệ thống xử lý nước thải có bố trí nhân viên trực và tuân thủ đúng quy trình vận hành, hằng ngày nhân viên đều lấy mẫu nước thải tiến hành đo nhanh các chỉ tiêu trong nước thải, đảm bảo kịp thời xử lý khi có sự cố xảy ra. Có hướng dẫn phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố.

- Không được bơm nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận.

- Nếu bơm bể gom bị nghẹt do rác, kiểm tra bơm nào bị sự cố. Cho vận hành bằng bơm dự phòng còn lại và gỡ rác cho bơm bị nghẹt.

- Khi hệ vi sinh bị chết hay bị sốc tải phải báo cho đơn vị lắp đặt hệ thống để kịp thời hướng dẫn xử lý sự cố hoặc đến tận nơi để xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra các hố ga, điểm đầu nối xả thải để khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra.

- Có kế hoạch kiểm tra, khắc phục sự cố diễn ra định kỳ 6 tháng/lần vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm đồng thời Công ty tiến hành bảo trì, sửa chữa nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động tốt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở hoàn thành HTXL nước thải vào năm 2011 và được cấp phép xả thải vào nguồn nước tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị. Căn cứ khoản 4, điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải (sinh hoạt, nhà bếp) phát sinh của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục

2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. Chất lượng nước thải phải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, hệ số K=1,2).

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Cơ sở: Siêu thị Co.opmart Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **90** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ bếp nấu ăn của Siêu thị
- Nguồn số 02: Khí thải từ bếp nấu ăn của nhà hàng Jolibee
- Nguồn số 03: Khí thải máy phát điện dự phòng

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng thải số 01: Tại ống khói nhà bếp Siêu thị (Tọa độ: X: 1.860.812; Y: 590.254m)
- Dòng thải số 02: Tại ống khói nhà bếp nhà hàng Jolibee (Tọa độ: X: 1.860.802m; Y: 590.621m)
- Dòng thải số 03: Tại ống khói máy phát điện dự phòng (Tọa độ: X: 1.860.840m; Y: 590.621m)

(Hệ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng phát sinh lớn nhất: tối đa $17.265 \text{ m}^3/\text{h}$

- Dòng thải số 01: $6.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng thải số 02: $10.537 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng thải số 03: $728 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả thải

- Dòng số 01, 02: Khí thải khi được chụp hút tại khu vực nấu ăn được xả ra môi trường bằng ống khói, xả gián đoạn.
- Dòng số 03: Khí thải xả liên tục trong thời gian chạy máy phát điện.

2.2.2. Chất lượng xả ra môi trường

Chất lượng môi trường nước khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p=1$, $K_v=0,8$), cụ thể như sau:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	160	Không áp dụng
2	CO	mg/Nm ³	800	
3	SO ₂	mg/Nm ³	400	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI VIỆC THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Bố trí hệ thống chụp hút thu gom khí thải từ khu vực nấu ăn; máy phát điện.
- Bố trí ống khói thoát khí khi được chụp hút tại khu vực nấu ăn lên cao > 10m.

1.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Đối với khí thải từ hoạt động của máy phát điện: Máy phát điện được bảo trì định kỳ theo quy định, nơi đặt máy được che chắn kín nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường cũng như khách hàng và nhân viên hoạt động tại Siêu thị.
- Đối với khí thải từ hoạt động nấu ăn: bố trí hệ thống quạt cưỡng bức tại các vị trí thích hợp trong nhà bếp. Lắp đặt hệ thống hút khói và khử mùi, ống khói được đặt trong hộp kỹ thuật và đưa lên tới tầng mái (đối với quạt hút khu vực bếp nhà hàng Jolibee) và đưa ra quạt thông gió phía đường Phan Bội Châu (đối với quạt hút khu vực bếp nấu ăn của Siêu thị).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh khí thải phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phụ lục này ra môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Siêu thị Co.opmart Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **90** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên Chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	19
3	Pin, ắc quy chì	16 01 12	1
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử	16 01 13	5
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	56
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	1
Tổng cộng			92

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn	Mã chất thải	Khối lượng/ Thể tích
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	141 tấn
2	Bùn thải	12 06 12	5.250 kg
3	Phế liệu các loại	-	
	Carton	12 08 03	79.646 kg
	Nilon, PE	18 01 06	1.471 kg

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 81.117 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 09 thùng chứa (có dán nhãn mác riêng) để thu gom và lưu giữ CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa CTNH: Được lưu giữ trong nhà kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị chứa: phế liệu được thu gom vào các thùng carton.

2.2.2. Kho, bãi lưu chứa chất thải:

- Số lượng: 01 nhà chứa khu vực tầng hầm
- Kho chứa phế liệu đặt tại tầng hầm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 26 thùng rác nhỏ đặt quanh Siêu thị, 2 thùng rác 660l đặt tại tầng hầm.

2.3.2. Kho lưu giữ: Không bố trí

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

- Chất thải nguy hại: bóng đèn vỡ, dầu nhớt thải...lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng có dán nhãn, lưu kho. Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh để thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở. Tần suất thu gom là 1 lần/năm.

- Đối với Phế liệu: Định kỳ bán cho Cơ sở thu mua.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục và pháp chế.

2. Sự cố liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm: Siêu thị nhập các loại thịt gia súc, gia cầm phải có nguồn gốc phải qua kiểm dịch của thú y. Sơ chế, chế biến thực phẩm đảm bảo đúng quy trình, kiểm tra chặt chẽ những sản phẩm quá hạn sử dụng để tiêu hủy, không bán cho khách mua hàng.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CTR, CTNH CỦA CƠ SỞ

1. Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

2. Vị trí giám sát: Tại điểm tập kết rác của Siêu thị.

3. Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Siêu thị Co.opmart Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **90** /GPMT-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, các yêu cầu bảo vệ môi trường và không còn hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Siêu thị Co.opmart Đông Hà”

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất.

5. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.